

Bản án số: 55/2024/HC-ST

Ngày: 20/8/2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thái và ông Huỳnh Công Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ninh Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử trực tuyến sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 43/2024/TLST-HC ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HC ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1949; Địa chỉ: khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1986; Địa chỉ: khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện T; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T:

+ Ông Nguyễn Văn D – Phó Trưởng Phòng T2; Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc V – Chuyên viên Phòng T2; Có mặt.

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Phan Thanh L1, sinh năm 1958; Địa chỉ: khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Đoàn Xuân C, sinh năm 1951; Địa chỉ: khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1952; Địa chỉ: khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2024; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2024; Đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/8/2024 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Hồng P trình bày:*

Ngày 25/6/2002, bà Phạm Thị T - thường trú tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757334 với diện tích 5970m², gồm 03 (ba) thửa đất tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên:

- Thửa đất số 733, tờ bản đồ số 6, diện tích 1520m², loại đất 2 lúa, thời hạn sử dụng đất đến tháng 6/2016.

- Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 11, diện tích 3285m², loại đất màu, sử dụng đất đến tháng 6/2016.

- Thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, diện tích 1165m², loại đất màu, thời hạn sử dụng đất đến tháng 6/2016.

Sau đó, bà Phạm Thị T mất, để thừa kế lại cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1949; Địa chỉ: khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Ngày 22/01/2014, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký chỉnh lý tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757334, với nội dung: để thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1949; CMND: 220508314, thường trú tại khu phố C, thị trấn C, huyện T với diện tích 5970m² theo hồ sơ đăng ký biến động số 000002./.

Khoảng tháng 10/2022, ông Nguyễn Văn L làm thủ tục tặng cho thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, diện tích 1165m², tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C, huyện T cho ông Nguyễn Hồng P thì phát hiện diện tích thửa đất mà gia đình đang thực tế quản lý, sử dụng này khác với diện tích được ghi nhận trên Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số G 757334. Do đó, ông Nguyễn Văn L làm đơn đề nghị Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện T2, Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757334, tại thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, diện tích 1165m², loại đất màu, thời hạn sử dụng đất đến tháng 6/2016. Tuy nhiên, sau thời gian dài chờ đợi, ông Nguyễn Văn L không nhận được kết quả giải quyết đơn từ các cơ quan nêu trên.

Đến khoảng đầu tháng 5/2024, ông Nguyễn Văn L trực tiếp đến Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện T2, Ủy ban nhân dân huyện T để hỏi về kết quả giải quyết đơn thì nhận được Công văn số 511/UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ điểm 5 khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai xác định nội dung ông Nguyễn Văn L đề nghị thu hồi thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, diện tích 1165m², loại đất màu, thời hạn sử dụng đất đến tháng 6/2016, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757334, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp ngày 25/6/2002, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Do đó, ông Nguyễn Văn L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên:

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757334, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp ngày 25/6/2002 cho bà Phạm Thị T; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký chỉnh lý tại trang 4 cập nhật biến động để thừa kế cho ông Nguyễn Văn L ngày 22/01/2014 theo hồ sơ biến động số 000002 đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, diện tích 1165m², loại đất màu, thời hạn sử dụng đất đến tháng 6/2016, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P và Ủy ban nhân dân thị trấn C thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng, diện tích, số thửa đất và số tờ bản đồ mà ông Nguyễn Văn L đang quản lý, sử dụng.

**** Theo Công văn số 2324/UBND của Ủy ban nhân dân huyện T về việc ý kiến phản hồi của Ủy ban nhân dân huyện T theo nội dung Thông báo số 642/2024/TB-THC ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:***

Qua kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày 25/6/2002, bà Phạm Thị T, trú tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên, được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757335, gồm có 03 thửa đất, tổng diện tích 5.970m², trong đó có thửa đất số

682, tờ bản đồ số 09 (đo đạc năm 1994), diện tích 1165m², loại đất màu.

Sau khi bà Phạm Thị T chết để lại thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L, trú tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên sử dụng, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T ký xác nhận ngày 22/01/2014.

Qua kiểm tra hiện trạng thực tế bà Phạm Thị T (mẹ ruột của ông Nguyễn Văn L) trực tiếp sử dụng thửa đất số 688, tờ bản đồ số 04 (đo đạc năm 1994), diện tích đất 3180m², loại đất màu (ĐM) nay là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 16 (đo đạc năm 2012), diện tích đất 3.383m², loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK).

Còn thửa đất số 682, tờ bản đồ số 09 (đo đạc năm 1994), diện tích 1.165m², loại đất màu (ĐM) nay là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 16 (đo đạc năm 2012), diện tích 1.165.2m² là của ông Phan Thanh L1 đang sử dụng.

Do đó, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757335, ký ngày 25/6/2002, thửa đất số 682, tờ bản đồ số 09 (đo đạc năm 1994), diện tích 1165m², loại đất màu cho bà Phạm Thị T nay để lại thừa kế cho ông Nguyễn Văn L sử dụng là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất.

**** Theo Công văn số 928/CNVPĐKĐĐ ngày 29/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ vụ ông Nguyễn Văn L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T trình bày:***

Về quan điểm khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã cung cấp hồ sơ và không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên căn cứ để tiến hành xét xử theo quy định.

**** Theo Công văn số 189/UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn C về việc cung cấp tài liệu chứng cứ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T trình bày:***

Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, theo GCNQSD đất số G 757334 cấp ngày 25/6/2002

1. Theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện:

- Theo bản đồ đo đạc năm 1994, là thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, diện tích 11650m² loại đất Đm, chủ sử dụng trong sổ dã ngoại Nguyễn Văn L.

- Theo bản đồ địa chính năm 1997, là thửa đất số 119 tờ bản đồ số 15, diện tích 2156m² loại đất Đm, quy chủ trong sổ dã ngoại là Nguyễn Văn L

- Theo bản đồ địa chính năm 2012 là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 16, diện tích 1165.2m², loại đất BHK, quy chủ sử dụng ông Nguyễn Văn L.

2. Ý kiến của UBND thị trấn C:

Quy hoạch sử dụng đất: Căn cứ theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 29/1/2022 của UBND tỉnh P, về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện T, được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh P thì tại thửa đất nêu trên được quy hoạch phần lớn diện tích là đất trụ sở cơ quan, còn lại được quy hoạch đất sông suối.

Các nội dung khác UBND thị trấn không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật

*** Theo Biên bản làm việc ngày 12/7/2024 tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh L1 trình bày:**

Tôi là chủ sở hữu thửa đất giáp ranh phía Bắc thửa đất ông Nguyễn Văn L đang khởi kiện. Năm 1978, tôi bắt đầu quản lý, sử dụng thửa đất của mình; thời điểm này bà Phạm Thị T cũng đã bắt đầu quản lý, sử dụng thửa đất mà ông Nguyễn Văn L đang khởi kiện (sau khi bà T mất, để thừa kế cho ông L). Tôi và bà T, sau này là ông L đã sử dụng, quản lý ổn định thửa đất từ trước đến nay mà không có bất kỳ tranh chấp nào. Nay tôi biết việc ông L khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để cấp lại đúng hiện trạng cho ông L thì tôi không có ý kiến hay tranh chấp gì, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết theo quy định.

Tôi và ông Nguyễn Hồng P - người đại diện theo ủy quyền của ông L và một số người khác đã cùng tham gia xác định ranh giới của thửa đất mà ông L đang khởi kiện tại Buổi xem xét thẩm định và đo đạc ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Tôi đồng ý với ranh giới này cũng như kết quả mà Công ty TNHH Đ cung cấp cho Tòa án.

Tôi cam đoan không thay đổi ý kiến trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Theo Biên bản làm việc ngày 12/7/2024 tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Xuân C trình bày:**

Tôi là chủ sở hữu thửa đất giáp ranh phía Nam của thửa đất ông Nguyễn Văn L đang khởi kiện. Từ trước đến nay, tôi và bà Phạm Thị T (mẹ ông L) và ông L đã sử dụng ổn định thửa đất của mình và không có bất kỳ tranh chấp nào, ranh giới của các thửa đất rõ ràng.

Nay tôi biết việc ông L khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (Tòa Hành chính thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm số 43/2024/TLST-HC), tôi không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với thửa đất đang khởi kiện.

Tôi đồng ý với ranh giới thửa đất và diện tích thửa đất khởi kiện ghi nhận tại Biên bản buổi làm việc xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên ngày 12/7/2014.

Tôi cam đoan giữ nguyên yêu cầu trình bày tại Biên bản làm việc và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc của Tòa án trong suốt quá trình tố tụng, không khiếu nại hay ý kiến gì thêm.

** Ngày 28/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã ban hành Công văn số 572/2024/TB-THC yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Ngày 18/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tiếp tục ban hành Công văn số 640/2024/TB-THC yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Tuy nhiên, không có văn bản phản hồi gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.*

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm trình bày.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật; Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn L và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Hồng P gửi Đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2024; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2024 và Đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/8/2024 đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên yêu cầu:

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757334, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp ngày 25/6/2002 cho bà Phạm Thị T; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký chỉnh lý tại trang 4 cập nhật biến động để thừa kế cho ông Nguyễn Văn L ngày 22/01/2014 theo hồ sơ biến động số 000002 đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, diện tích 1165m², loại đất màu, thời hạn sử dụng đất đến tháng 6/2016, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P và Ủy ban nhân dân thị trấn C thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng, diện tích, số thửa đất và số tờ bản đồ mà ông Nguyễn Văn L đang quản lý, sử dụng.

Ngày 27/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án để giải quyết theo thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

[3.1] Nguyên thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, diện tích 1165m², loại đất màu, thời hạn sử dụng đất đến tháng 6/2016, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp ngày 25/6/2002 cho bà Phạm Thị T. Sau khi bà Nguyễn Thị T1 đã chết, quyền sử dụng đất nêu trên được để thừa kế cho ông Nguyễn Văn L; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký chỉnh lý tại trang 4 cập nhật biến động ngày 22/01/2014 theo hồ sơ biến động số 000002. Tuy nhiên, qua kiểm tra hiện trạng thực tế sử dụng đất cũng như xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: hiện trạng thực tế bà Phạm Thị T (mẹ ruột của ông Nguyễn Văn L) trực tiếp sử dụng là thửa đất số 688, tờ bản đồ số 04 (đo đạc năm 1994), diện tích đất 3180m², loại đất màu (ĐM) nay là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 16 (đo đạc năm 2012), diện tích đất 3383m², loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK). Còn thửa đất số 682, tờ bản đồ số 09 (đo đạc năm 1994), diện tích 1165m², loại đất màu (ĐM) nay là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 16 (đo đạc năm 2012), diện tích 1165,2m² do ông Phan Thanh L1 đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Như vậy, tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757335, ký ngày 25/6/2002 đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 09 (đo đạc năm 1994), diện tích 1165m², loại đất màu cho bà Phạm Thị T là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất và số thửa đất, số tờ bản đồ (sai vị trí). Điều

này dẫn đến khi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cập nhật đăng ký biến động cho ông Nguyễn Văn L cũng ghi nhận sai về các thông tin này.

[3.2] Do quyền sử dụng đất đối với thửa đất thửa đất số 682, tờ bản đồ số 09 (đo đạc năm 1994), diện tích 1165m², loại đất màu (ĐM) nay là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 16 (đo đạc năm 2012), diện tích 1165,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757335 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/6/2002 cho bà Phạm Thị T đã được để thừa kế cho ông Nguyễn L nên theo khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai; Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Ủy ban nhân dân huyện T không được phép thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp sai trong trường hợp này.

[3.3] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện không phát sinh bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến thửa đất số 688, tờ bản đồ số 04 (đo đạc năm 1994), diện tích đất 3180m², loại đất màu (ĐM) nay là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 16 (đo đạc năm 2012), diện tích đất 3383m², loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK) với ông Phan Thanh L1 và những người giáp ranh thửa đất khác: ông Đoàn Xuân C, bà Nguyễn Thị Kim H.

[4] Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện: (i) Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757334, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp ngày 25/6/2002 cho bà Phạm Thị T; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký chỉnh lý tại trang 4 cập nhật biến động để thừa kế cho ông Nguyễn Văn L ngày 22/01/2014 theo hồ sơ biến động số 000002 đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, diện tích 1165m², loại đất màu, thời hạn sử dụng đất đến tháng 6/2016, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; (ii) Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P và Ủy ban nhân dân thị trấn C thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng, diện tích, số thửa đất và số tờ bản đồ mà ông Nguyễn Văn L đang quản lý, sử dụng.

[5] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 và Điều 358 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L:

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 757334, được Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp ngày 25/6/2002 cho bà Phạm Thị T; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký chỉnh lý tại trang 4 cập nhật biến động để thừa kế cho ông Nguyễn Văn L ngày 22/01/2014 theo hồ sơ biến động số 000002 đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 9, diện tích 1165m², loại đất màu, thời hạn sử dụng đất đến tháng 6/2016, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P và Ủy ban nhân dân thị trấn C thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng, diện tích, số thửa đất và số tờ bản đồ mà ông Nguyễn Văn L đang quản lý, sử dụng.

Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện T và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P phải liên đới chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P phải liên đới chịu số tiền 10.100.000 đồng (*Mười triệu một trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc.

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L đã nộp tạm ứng số tiền 10.100.000 đồng (*Mười triệu một trăm nghìn đồng*), nên Ủy ban nhân dân huyện T và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 10.100.000 đồng (*Mười triệu một trăm nghìn đồng*).

Thời hạn, trình tự thủ tục thi hành và xử lý trách nhiệm với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Phòng KTNV TAND tỉnh (1);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, THC, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh